ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2856 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Xây dựng các hạng mục Trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 270/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc chủ trương đầu tư Dự án xây dựng các hạng mục Trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5146/SXD-HĐXD ngày 03/8/2023 về phê duyệt dự án Xây dựng các hạng mục Trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng các hạng mục Trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng các hạng mục Trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên hiện có và phần đất quy hoạch mở rộng Trường THCS&THPT Như Xuân, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân.

5. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III, công trình chính thời hạn sử dụng 50-100 năm.

6. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Trường Thịnh.

7. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh, từng bước hoàn thiện các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia của trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

8.1. Nhà hiệu bộ

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 2 tầng, diện tích xây dựng khoảng 402m^2, tổng diện tích sàn khoảng 805m^2. Chiều cao tầng 1 và tầng 2 là 3,6 m; chiều cao mái là 2,5m; chiều cao công trình tính từ cos 0,00m đến cos đỉnh mái là 9,7m; chiều cao từ sân lên nền là 0,45m. Mặt bằng tầng 1: bố trí 04 phòng chức năng; khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Giao thông theo phương đứng được bố trí 02 cầu thang bộ. Giao thông theo phương ngang bằng hành lang rộng 2,4m. Mặt bằng tầng 2: bố trí 05 phòng chức năng; 01 phòng kho; khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Giao thông theo phương đứng được bố trí 02 cầu thang bộ. Giao thông theo phương ngang bằng hành lang rộng 2,4m.

Tường các tầng xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát trong nhà và ngoài nhà bằng vữa xi măng (VXM) mác 75, tường trần lăn sơn trực tiếp. Mái trên xây tường thu hồi, xà gồ thép hộp và lợp tôn múi; nền nhà lát gạch Ceramic kích thước (600x600)mm, bậc tam cấp lát đá granit.

b) Giải pháp kết cấu:

Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT dưới cột. Móng, dầm móng bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 mác 250. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 mác 250.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét; Giải pháp cấp, thoát nước; Giải pháp phòng cháy chữa cháy: được thiết kế đồng bộ, phù hợp với quy mô và công năng sử dụng của công trình.

8.2. Nhà lớp học bộ môn

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 3 tầng với diện tích xây dựng khoảng 612m^2, tổng diện tích sàn khoảng 1.750m^2. Chiều cao tầng 1, 2, 3 là 3,6m; chiều cao mái là 2,5m; chiều cao công trình tính từ cos 0,00m đến cos đỉnh mái là 13,3m; chiều cao từ sân lên nền là 0,45m. Mặt bằng các tầng: bố trí 04 phòng học bộ môn. Giao thông theo phương đứng được bố trí 02 cầu thang bộ. Giao thông theo phương ngang bằng hành lang phía trước.

Tường các tầng xây gạch không nung VXM mác 50, trát trong nhà và ngoài nhà bằng VXM mác 75, tường trần lăn sơn trực tiếp. Mái trên xây tường thu hồi, xà gồ thép hộp và lợp tôn múi; nền nhà lát gạch Ceramic kích thước

(600x600)mm, bậc tam cấp lát đá granit.

b) Giải pháp kết cấu:

Phần móng sử dụng giải pháp móng băng BTCT. Móng, dầm móng bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 mác 250. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 mác 250.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét; Giải pháp cấp, thoát nước; Giải pháp phòng cháy chữa cháy: được thiết kế đồng bộ, phù hợp với quy mô và công năng sử dụng của công trình.

8.3. Nhà đa năng

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 550m^2. Chiều cao công trình 12,60m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0,00m là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m; mái cao 2,8m.

- Mặt bằng bố trí: 01 sảnh chính; không gian tập đa năng; sân khấu; phòng thay đồ; phòng kho dụng cụ.

b) Giải pháp kết cấu:

Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT trên nền đất tự nhiên. Móng, giằng móng bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 mác 250. Phần thân sử dụng giải pháp kết cấu khung cột BTCT chịu lực, sàn BTCT kết hợp hệ vì kèo thép, gác xà gồ lợp mái tôn.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét; thoát nước; phòng cháy chữa cháy: được thiết kế đồng bộ, phù hợp với quy mô và công năng sử dụng của công trình.

8.4. Các công trình phụ trợ: Được thiết kế đồng bộ, bao gồm: Sân bê tông, bó vỉa bồn hoa; san nền; taluy, tường chắn; kè đá hộc; hệ thống PCCC ngoài nhà; bể nước PCCC; cấp điện, cấp thoát nước ngoài nhà.

(Có hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo).

9. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế BVTC).

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 30.000.000.000 đồng; trong đó:

- Chi phí GPMB	:	202.326.200	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	24.395.959.277	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	143.640.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	522.872.076	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	3.133.358.444	đồng;
- Chi phí khác	:	351.966.684	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	1.250.044.581	đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh bố trí 90% tổng mức đầu tư từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo hằng năm (không quá 27 tỷ đồng); phần còn lại 10% do ngân sách huyện Như Xuân đảm nhận (3 tỷ đồng) bao gồm cả chi phí giải phóng mặt bằng (nếu có).

12. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2024.

14. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5146/SXD-HĐXD ngày 03/8/2023 nêu trên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán,…) về kết quả thẩm định, nội dung hồ sơ dự án trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

3. Giao Sở Xây dựng, UBND huyện Như Xuân thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng dự án đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Xuân; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

(HĐXD_DA_M74)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Xây dựng các hạng mục Trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ SAU THUẾ (đồng)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
I	**CHI PHÍ GPMB**		*Bảng tính chi tiết*	**202.326.200**
II	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	G_{XD}	*(Chi tiết TMĐT)*	**24.395.959.277**
III	**CHI PHÍ THIẾT BỊ**	G_{TB}	*Bảng tính chi tiết*	**143.640.000**
IV	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	G_{QLDA}	$2,896\% x(G_{XD+}G_{TB})^{trước\ thuế} x\ 0,8$	**522.872.076**
V	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD**	G_{TV}	(1)+(2)+ …+(19)	**3.133.358.444**
1	Chi phí Tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch TL 1/500		*Do chủ đầu tư phê duyệt*	40.711.000
2	Chi phí Tư vấn lập quy hoạch 1/500			361.111.608
3	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình			494.876.000
4	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng			14.846.000
5	Chi phí thẩm tra nhiệm vụ khảo sát			4.753.000
6	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng			20.151.000
7	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi		$0,9\% \ x\ (G_{XD+}G_{TB})^{trước\ thuế}$	219.364.277
8	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán		$2,912\% \ x\ G_{XD}^{trước\ thuế}$	705.508.870
9	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng		$0,219\% \ x\ G_{XD}^{trước\ thuế}$	53.027.558
10	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng		$0,215\% \ x\ G_{XD}^{trước\ thuế}$	52.019.093
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng	G_{GSTC}	$2,819\% \ x\ (G_{DD})^{trước\ thuế}$	683.029.191
12	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	G_{GSTB}	$0,844\% \ x\ (G_{TB})^{trước\ thuế}$	1.212.322

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ SAU THUẾ (đồng)
13	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT		*13.1+13.2+13.3*	
13.1	*Chi phí lập lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn thiết kế*		*0,816% x* $(G_{TK})^{trước\ thuế}$	*5.756.952*
13.2	*Chi phí lập lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn giám sát*		*0,816% x* $(G_{TVGS\ XD+TB})^{trước\ thuế}$	*5.583.411*
13.3	*Chi phí lập lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng*		*0,33% x* $(G_{DD})^{trước\ thuế}$	*80.863.138*
14	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định KQ LCNT tư vấn		*14.1+14.2*	
14.1	*Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn lập thiết kế BVTC và dự toán*		*Mức tối thiểu*	*2.000.000*
14.2	*Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị*		*Mức tối thiểu*	*2.000.000*
15	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng		*0,1% x* $(G_{XD})^{trước\ thuế}$	22.434.025
16	Chi phí kiểm định chất lượng công trình		*Chủ đầu tư phê duyệt*	81.364.000
17	Chi phí lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường		*Chủ đầu tư phê duyệt*	162.747.000
18	Chi phí thẩm định giá		*Tạm tính*	20.000.000
19	Chi phí tư vấn khác		*Tạm tính*	100.000.000
VI	**CHI PHÍ KHÁC**	G_K	(1)+(2)+ …+(8)	**351.966.684**
1	Chi phí bảo hiểm công trình		*0,08% x* $(G_{XD})^{trước\ thuế}$	19.741.942
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng		*0,017% x TMĐTx50%*	2.490.000
3	Chi phí thẩm định TKBVTC		*0,153% x* $G_{XD}^{trước\ thuế}$ *x 50%*	17.197.699
4	Chi phí thẩm định DT		*0,149% x* $G_{XD}^{trước\ thuế}$ *x 50%*	16.660.629
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		*0,338% x* $(G_{TMĐT})$ *x 50%*	50.625.000
6	Chi phí kiểm toán độc lập		*0,548% x* $G_{TMĐT}$	180.675.000
7	Chi phí thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy		*0,009% x* $(G_{TMĐT})$ *x 50%*	1.332.971

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ SAU THUẾ (đồng)
8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng		10,% x G_{GSTC}	63.243.444
VII	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**	G_{DP}	(1)+(2)	**1.250.044.581**
1	Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh	G_{DP1}	3,35 % x (I+…+VII)	961.806.604
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	G_{DP2}	1,00 % x (I+…+V)	285.477.965
	TỔNG CỘNG:	G_{XDCT}	I+…+VI	**30.000.167.262**
	LÀM TRÒN			**30.000.000.000**